TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 01 - 2023
V/v: Chị Trần Thị T xin ly hôn anh Đỗ Xuân H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

Ông Nguyễn Tiến Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn T, xã TQ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn*: Anh **Đỗ Xuân H**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày***:

Chị và anh Đỗ Xuân H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 12 năm 2017 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu, đến với nhau là tự nguyện. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh H không chịu đi làm, chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị và gia đình phải đi trả nợ thay, không những thế anh H còn đem tài sản của gia đình đi cầm cố lấy tiền đánh bạc. Chị và gia đình đã khuyên bảo và cho anh H rất nhiều cơ hội để sửa sai, cho thời gian để suy nghĩ nhưng anh H không thay đổi. Ngày 24 tháng 6 năm 2020, sau khi chị sinh con được 06 ngày, tiền mọi người thăm hai mẹ con được 07 triệu đồng anh H lấy mang đi đánh bạc hết, do quá bức xúc và không chịu được tính ham chơi của anh H, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 5 năm 2021, chị nộp đơn xin ly hôn anh H, Tòa án đã thụ lý vụ án, sau được gia đình hòa giải, anh H xin lỗi, nghĩ vì con, chị rút đơn ly hôn. Trong thời gian này, để anh H có động lực thay đổi tính tình, từ bỏ cờ bạc, tu chí làm ăn, sống có trách nhiệm với vợ con nên thỉnh thoảng chị vẫn đưa con về gặp bố và ông bà nội nhưng anh H vẫn chơi cờ bạc, vẫn nợ nần, không những thế anh H còn nghi ngờ, ghen tuông chị vô cớ. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn giữa anh chị xảy ra đã lâu, không thể hàn gắn, anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay, do đó, chị cương quyết xin ly hôn anh H, chị không chấp nhận đoàn tụ.

Chị và anh Đỗ Xuân H có một con chung là Đỗ Việt H, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2020, hiện ở cùng chị, con ngoan, sức khỏe tốt. Ly hôn, vì con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của chị, chị có công việc, có thu nhập, có sự hỗ trợ về vật chất và tinh thần của bố mẹ đẻ chị, do đó, chị xin nuôi con H và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con H cùng chị. Anh H xin nuôi con với lý do con bị chậm nói cần phải đi khám, điều trị kịp thời, anh H có khả năng, điều kiện làm được việc đó, chị không đồng ý. Khi thấy con H có biểu hiện chậm nói, chị đã đưa đi khám tại Bệnh viện Nhi Thái Bình, bác sỹ kết luận con chỉ bị chậm nói so với lứa

tuổi, khi kiểm tra thắng lưỡi và test hoạt động phản xạ, kết quả hoàn toàn bình thường.

Chị và anh Đỗ Xuân H không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

**** Tại bản tự khai đề ngày 09 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Xuân H trình bày:***

Anh và chị Trần Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 12 năm 2017 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh mải chơi cờ bạc, không tu chí làm ăn. Chị T và gia đình góp ý với anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Tháng 6 năm 2020, sau khi sinh con, chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Trong thời gian này, anh có sang tìm, đón chị T về nhưng bố mẹ đẻ chị T không đồng ý nên chị T không dám về chỉ thỉnh thoảng dấu gia đình đưa con về nhà anh chơi. Năm 2021, chị T nộp đơn xin ly hôn anh nhưng sau đó đã rút đơn. Năm 2022, anh được biết chị T có tình cảm với người khác nên đã chặn số điện thoại, chặn zalo, chặn facebook và cắt đứt liên lạc với anh. Nay chị T xin ly hôn anh, anh thừa nhận anh có chơi bời, có nợ nần nhưng anh vẫn đi làm và chu cấp cho con, mặc dù tình cảm, sự quan tâm giữa anh và chị T không còn được như trước nhưng anh đã cố gắng rất nhiều để thay đổi bản thân, mục đích là lo cho vợ con nên anh mong muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Nếu chị T vẫn cương quyết xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện chị T phải giao con cho anh nuôi dưỡng.

Anh và chị Trần Thị T có một con chung là Đỗ Việt H, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2020, đang ở cùng chị T. Nếu ly hôn, vì con H chậm nói, cần phải đi khám và điều trị kịp thời, anh có khả năng và điều kiện làm được việc đó nên anh đề nghị được nuôi con H, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con H cùng anh.

Anh và chị Trần Thị T không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 23 tháng 11 năm 2022, ông Trần Văn C (bố đẻ chị T), trình bày:***

Chị T, anh H đăng ký kết hôn năm 2018 và về sống cùng gia đình anh H. Theo ông được biết, ngay sau kết hôn cuộc sống giữa anh chị đã không có hạnh phúc do anh H chơi cờ bạc, vay nợ nhiều người, gia đình phải đi trả nợ hộ, anh H còn đem tài sản của gia đình đi cầm cố không chỉ một lần mà rất nhiều lần. Hai bên gia đình đã khuyên bảo anh H rất nhiều lần, anh H đã xin lỗi, hứa hẹn nhưng chỉ được một thời gian rồi đâu lại vào đó. Ngày 24 tháng 6 năm 2020, gia đình ông đã đón và đưa mẹ con chị T về nhà ông ở từ đó đến nay. Để chị T ổn định tư tưởng, ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi dạy con, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh H.

Chị T, anh H có một con chung là Đỗ Việt H, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2020. Nếu anh chị ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng vì mẹ con chị T đang ở cùng gia đình ông cuộc sống ổn định, chị T có đi làm, có thu nhập và việc chị T nuôi con còn có sự quan tâm, hỗ trợ về vật chất và tinh thần của cả gia đình ông.

Chị T, anh H không có nghĩa vụ chung về tài sản liên quan đến ông và gia đình ông.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 23 tháng 11 năm 2022, bà Lại Thị H (mẹ đẻ anh H), trình bày:***

Anh H, chị T đăng ký kết hôn năm 2018 và về sống cùng gia đình bà. Năm 2020, sau khi sinh con, chị T đưa con về nhà ngoại chơi nhưng sau đó không đưa con về ở tại nhà bà nữa, chỉ khi nào gia đình có việc chị T mới đưa con về chơi. Anh H và gia đình bà đã động viên chị T đưa con quay về nhưng chị T chưa về. Nay chị T xin ly hôn anh H, bà đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ. Nếu chị T vẫn cương quyết xin ly hôn anh H, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh H, chị T một con chung là Đỗ Việt H, sinh năm 2020, đang ở cùng chị T. Nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao con cho ai có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt nhất. Theo bà, anh H, chị T đều khỏe mạnh, có thu nhập, có khả năng chăm sóc và giáo dục con.

Anh H, chị T không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến bà và gia đình bà.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 23 tháng 11 năm 2022, đại diện UBND xã M, đại diện Công an xã M và đại diện thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Chị T, anh H đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã M, huyện V trên cơ sở tự nguyện. Về mâu thuẫn giữa anh chị có hay không chính quyền địa phương không biết nhưng từ khoảng năm 2020 đến nay chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị T xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị T, anh H có một con chung là Đỗ Việt H, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2020. Nếu anh chị ly hôn, về việc nuôi con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị T, anh H không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến các tổ chức tín dụng, đoàn thể tại địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Xử cho chị T được ly hôn anh H. Giao con Đỗ Việt H, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Xuân H, anh H cư trú tại xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Ngày 09 tháng 12 năm 2022, anh Đỗ Xuân H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp có mặt chị T, vắng mặt anh H.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Đỗ Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND M, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2017, ngày 18 tháng 12 năm 2017, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, về nguyên nhân chính, theo chị T là do anh H chơi cờ bạc, vay nợ nhiều người, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, chị đã cho anh H rất nhiều cơ hội nhưng anh H không thay đổi, chị cương quyết xin ly hôn anh H; về phía anh H thừa nhận anh có chơi bời, có nợ nần nhưng anh vẫn đi làm và có chu cấp cho con, anh xin đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị T, anh H là có, khi mâu thuẫn xảy ra anh chị không có biện pháp giải quyết dứt điểm dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Anh H xin đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của chị T, xử cho ly hôn giữa chị T và anh H.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị T và anh Đỗ Xuân H có một con chung là Đỗ Việt H, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2020. Ly hôn, chị T, anh H đều đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị T, anh H là chính đáng, anh chị đủ điều kiện để nuôi con, tuy nhiên, con H hiện đang ở cùng chị T, tại thời điểm xét xử con H dưới 36 tháng tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do vậy, để con H ổn định cuộc sống và để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con trẻ, Hội đồng xét xử

căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con H. Về cấp dưỡng cho con, chị T không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Đỗ Xuân H đều thống nhất trình bày anh chị không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, anh chị không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T, anh Đỗ Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Đỗ Xuân H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Việt H, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2020. Về cấp dưỡng cho con Đỗ Việt H, chị Trần Thị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2.2. Anh Đỗ Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị T, anh Đỗ Xuân H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0001295 đề

ngày 05 tháng 10 năm 2022 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành án phí. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11 tháng 01 năm 2023). Anh Đỗ Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND M, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 75/2017, ngày 18 tháng 12 năm 2017);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương